CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn HSV Việt Nam

Ngày 31/12/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	**-4.3%**	**15.4%**

DT thuần
Q4/25
480
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 98.0| 25.8%
YoY: ▲ 236| 96.9%

LN thuần
Q4/25
0.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.53| -44.1%
YoY: ▼1.95| -74.4%

LN sau thuế
Q4/25
0.54
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.35| -38.8%
YoY: ▼1.25| -69.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.4%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2025
2.5%
YoY: +/-▲ 0.2%

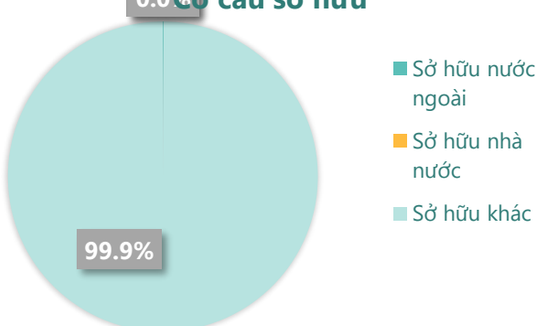
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,500 - 5,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	71
Số lượng CPLH (CP)	15,749,994
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,440
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.44
EPS	283
P/E	15.9

DT thuần
2025
1,616
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 697| 75.9%

LN thuần
2025
5.01
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.15| -18.6%

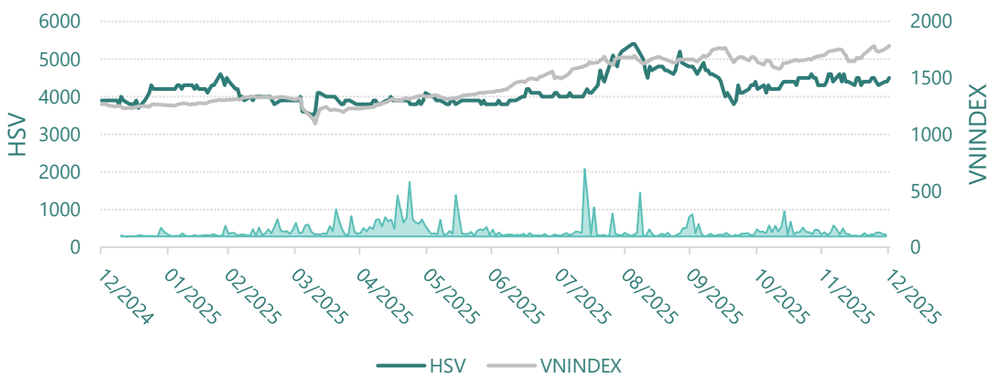
LN sau thuế
2025
4.46
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.45| 11.0%

Cơ cấu sở hữu

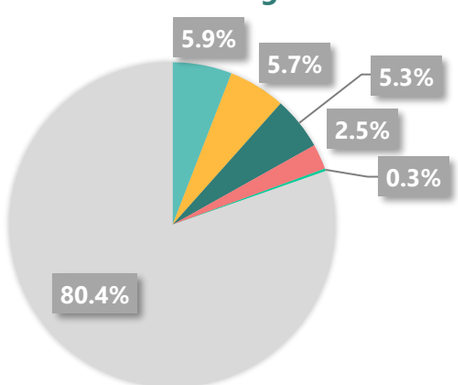


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

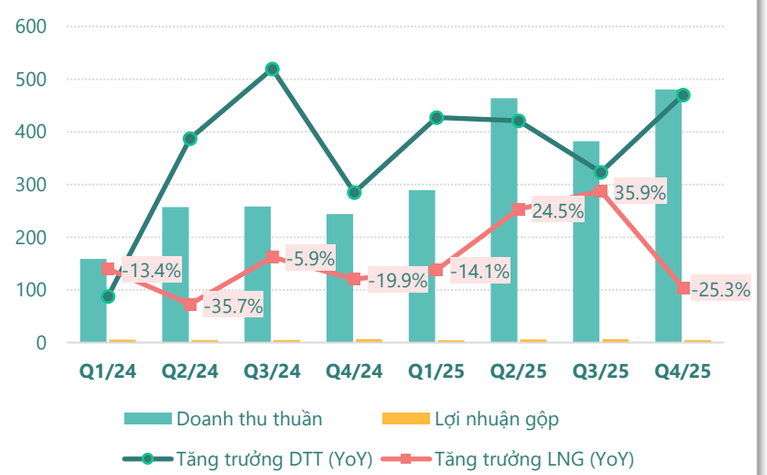


- Nguyễn Hồng Tảo
- Lê Thị Hằng
- Nguyễn Văn Quân (Tổng giám đốc)
- Đặng Phạm Ý Mỹ
- Nguyễn Mậu Hoàng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

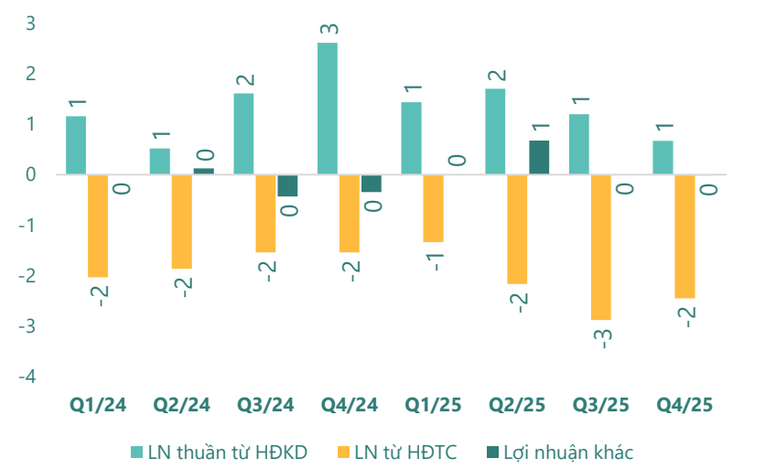
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



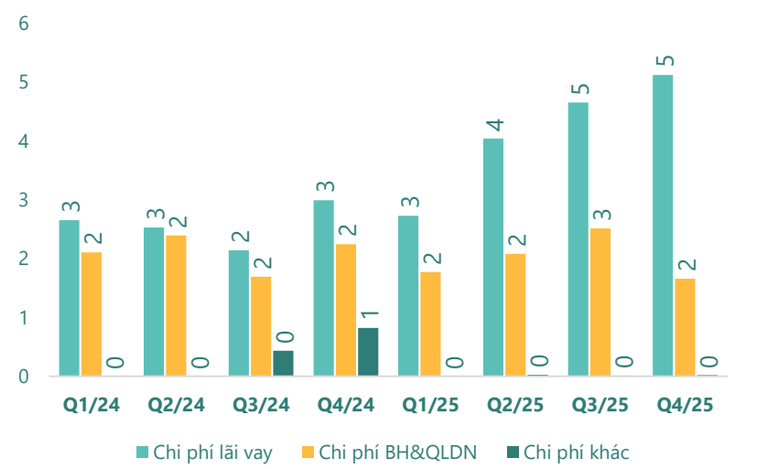
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



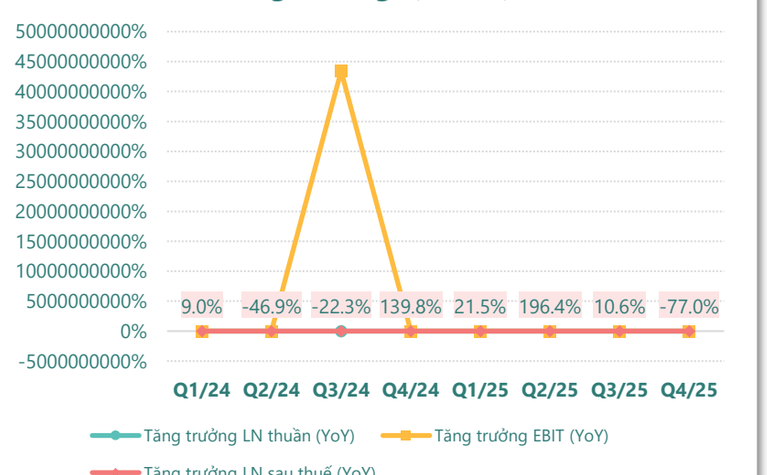
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



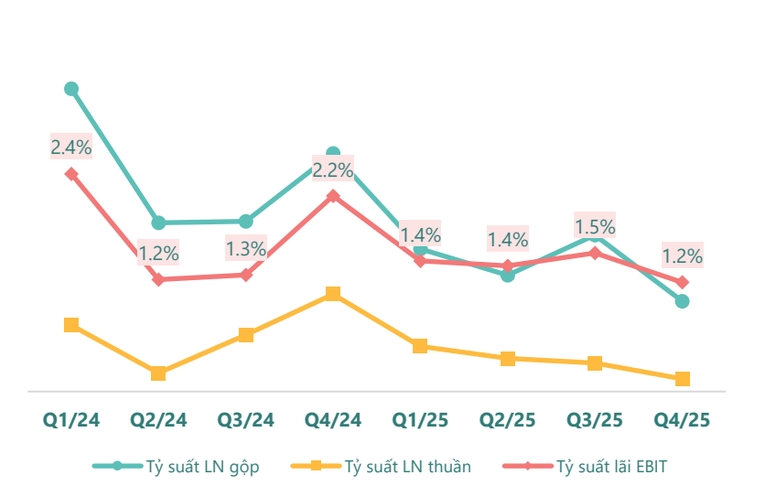
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



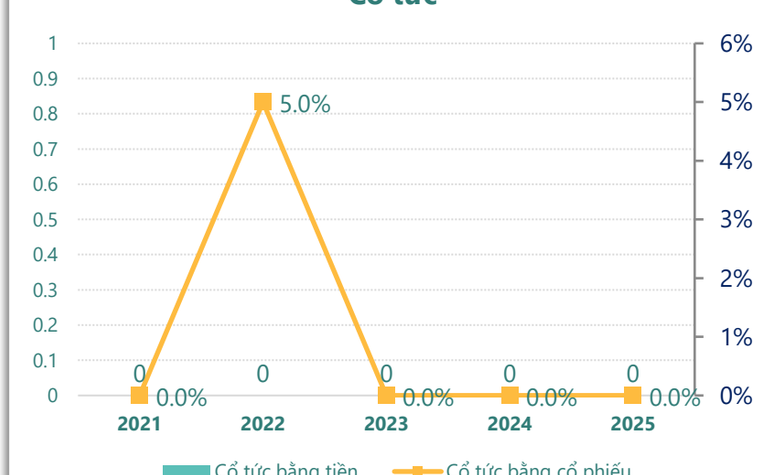
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

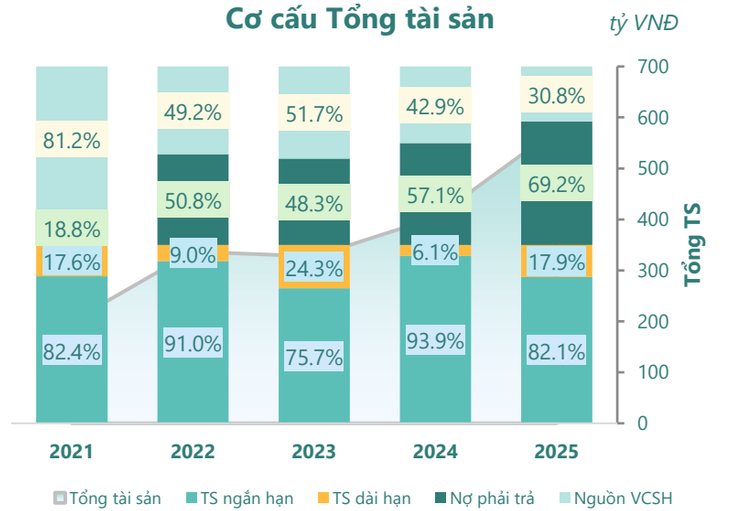
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

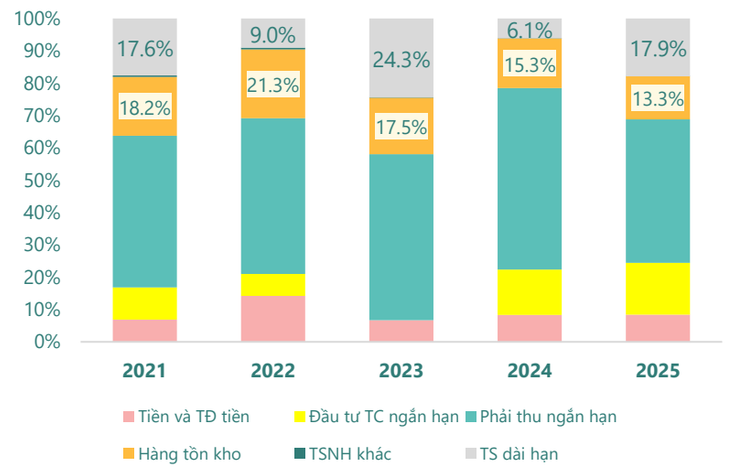
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



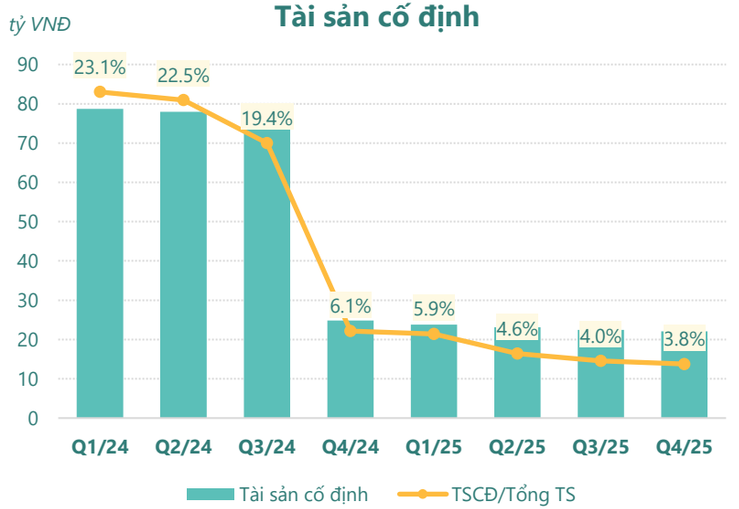
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



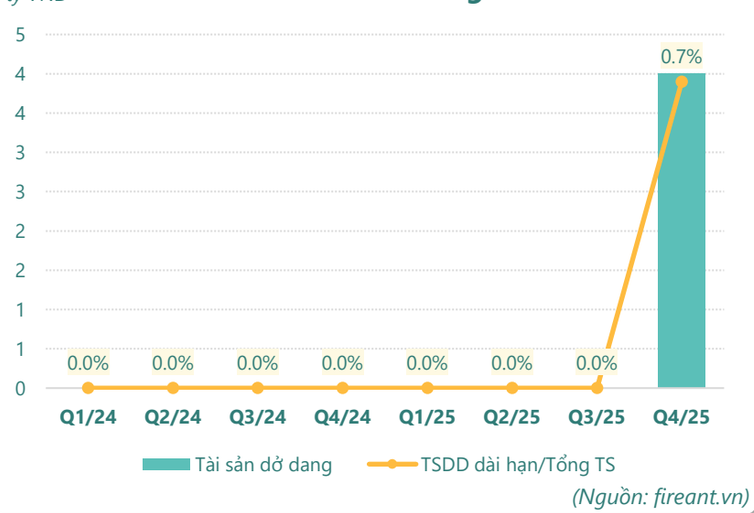
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



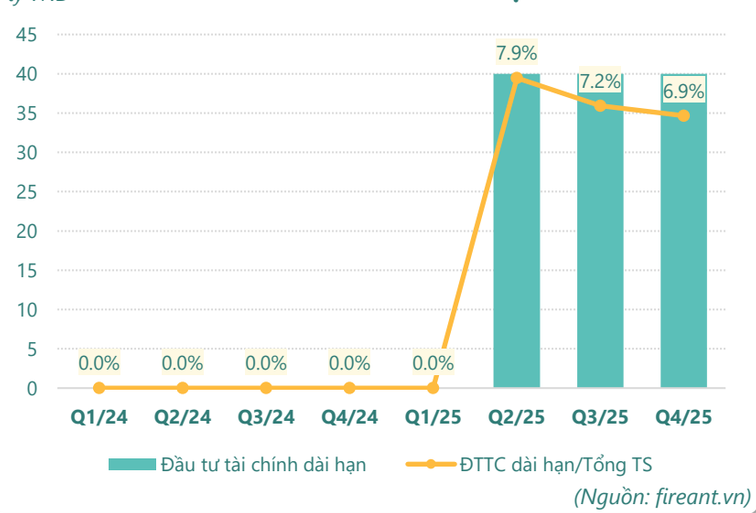
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



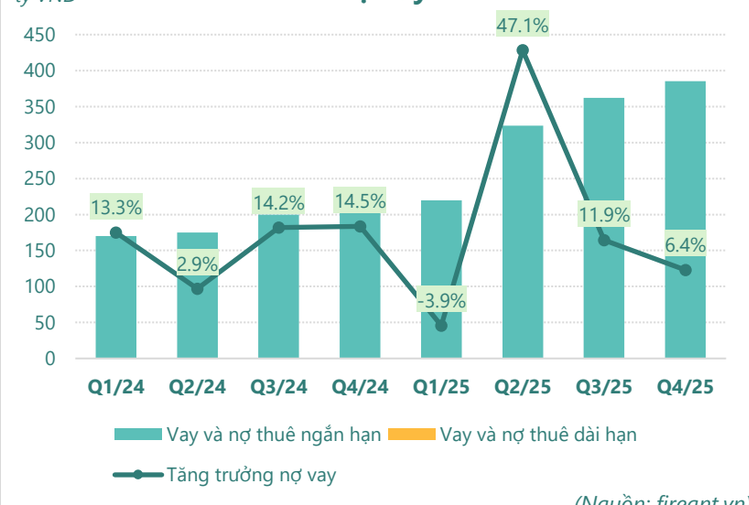
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

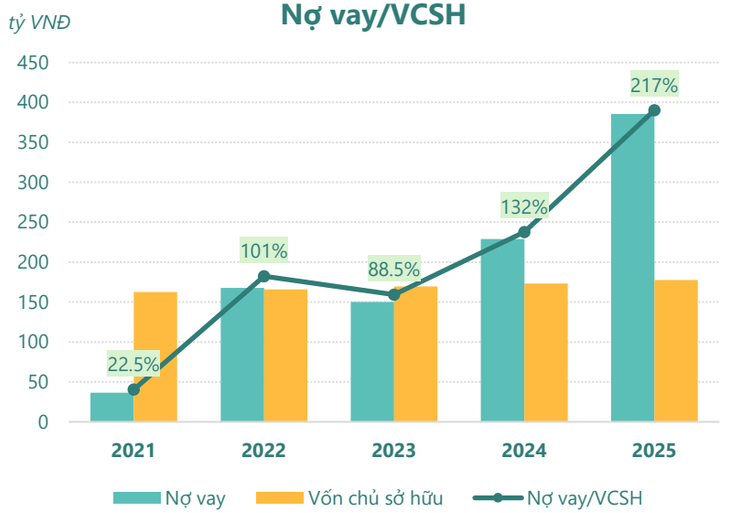
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

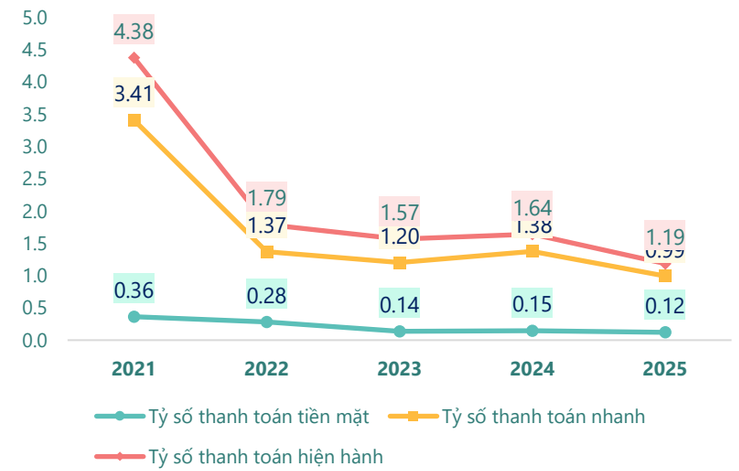
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



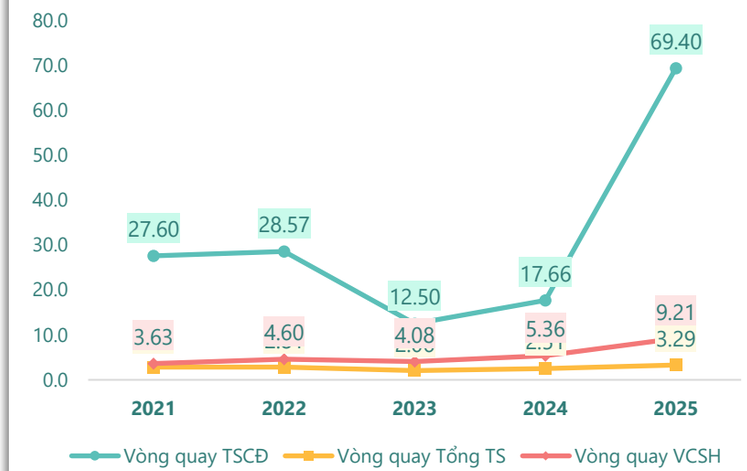
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



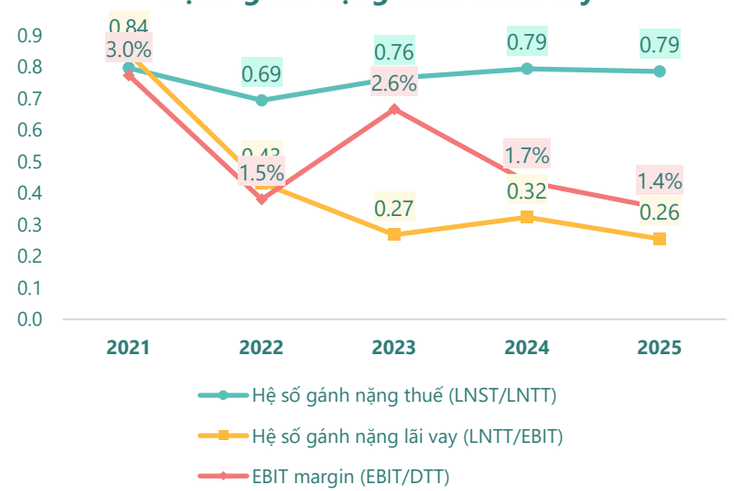
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



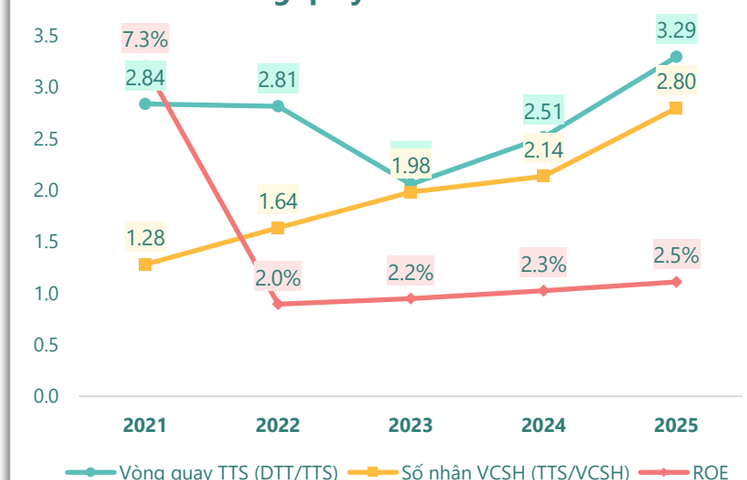
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



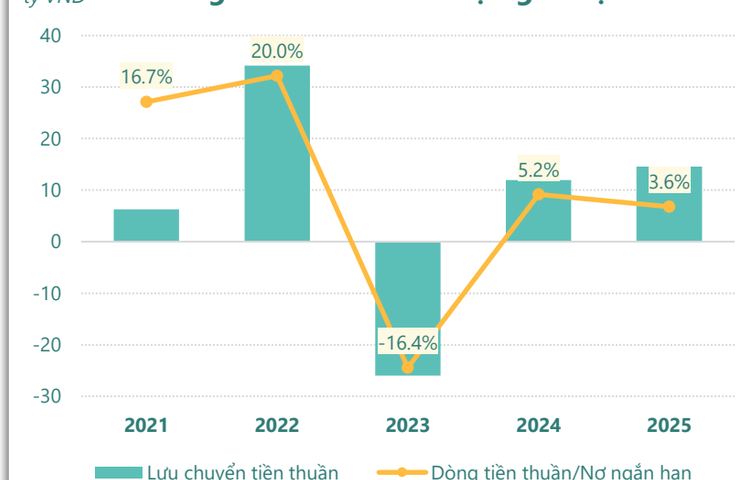
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**480**	**244**	**96.9%**	**1,616**	**919**	**75.9%**
Giá vốn hàng bán	476	238	99.8%	1,594	897	77.7%
Lợi nhuận gộp	4.78	6.41	-25.4%	21.9	21.6	1.5%
Doanh thu HĐTC	2.67	1.45	84.2%	7.71	4.03	91.3%
Chi phí TC	5.12	2.99	71.4%	16.6	11.0	50.6%
Chi phí lãi vay	5.12	2.99	71.4%	16.6	10.5	57.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.16	0.30	-45.9%	1.02	1.43	-28.7%
Chi phí QLDN	**1.50**	**1.95**	**-23.3%**	**7.01**	**7.01**	**0.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.67	2.62	-74.4%	5.01	6.16	-18.6%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.34**	**95.8%**	**0.66**	**-1.11**	**159%**
LN trước thuế	0.66	2.27	-71.1%	5.67	5.05	12.2%
Lợi nhuận sau thuế	**0.54**	**1.79**	**-69.6%**	**4.46**	**4.01**	**11.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.54**	**1.79**	**-69.6%**	**4.46**	**4.01**	**11.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.40	-36.9	-6.68	-2.86	-12.7	-18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.1	42.7	-1.97	-72.3	-36.3	9.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.5	29.4	-8.92	104	38.6	23.2
Tiền đầu kỳ	12.8	18.6	33.8	16.2	44.6	34.2
Lưu chuyển tiền thuần	**5.79**	**35.2**	**-17.6**	**28.4**	**-10.4**	**14.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.6	53.8	16.2	44.6	34.2	48.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**577**	**404**	**42.9%**
Tài sản ngắn hạn	474	379	25.0%
Tiền và tương đương tiền	48.4	33.8	43.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	92.8	56.6	64.0%
Phải thu ngắn hạn	256	227	12.9%
Hàng tồn kho	77.1	61.8	24.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.22	-97.4%
Tài sản dài hạn	**103**	**24.7**	**317%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.1	24.5	-9.9%
Bất động sản đầu tư	36.9	0	
Tài sản dở dang	4.00	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	40.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.20**	**-21.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	400	231	73.3%
Nợ ngắn hạn	**400**	**231**	**73.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	385	229	68.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.14	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**178**	**173**	**2.6%**
Vốn chủ sở hữu	**178**	**173**	**2.6%**
Vốn điều lệ	157	157	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)